

PHỤ LỤC II
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026- 2030
(kèm theo Kế hoạch số 2042/KH- UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND phường Quảng Trị)

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện						Bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Kế hoạch 2026- 2030
			2025	2026	2027	2028	2029	Dự kiến đến 2030		
I	KINH TẾ									
1	Tổng giá trị sản phẩm (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	2.174,1	2.376,8	2.600,5	2.846,7	3.117,5	3.417,3	109,47	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	130,1	133,8	137,7	141,9	146,3	150,4	102,94	2-3%/năm
	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>86,2</i>	<i>86,7</i>	<i>87,2</i>	<i>87,8</i>	<i>88,3</i>	<i>88,0</i>	<i>100,41</i>	
	<i>Lâm nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>21,0</i>	<i>22,7</i>	<i>24,5</i>	<i>26,5</i>	<i>28,6</i>	<i>31,0</i>	<i>108,10</i>	
	<i>Thủy sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>22,9</i>	<i>24,4</i>	<i>26,0</i>	<i>27,7</i>	<i>29,5</i>	<i>31,4</i>	<i>106,50</i>	
	- Công nghiệp và xây dựng	<i>Tỷ đồng</i>	<i>944,0</i>	<i>1.016,0</i>	<i>1.094,0</i>	<i>1.178,0</i>	<i>1.268,0</i>	<i>1.367,0</i>	<i>107,69</i>	7-8%/năm
	<i>+Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>727,0</i>	<i>785,0</i>	<i>848,0</i>	<i>915,0</i>	<i>988,0</i>	<i>1.067,0</i>	<i>107,98</i>	7-8%/năm
	<i>+Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>217,0</i>	<i>231,0</i>	<i>246,0</i>	<i>263,0</i>	<i>280,0</i>	<i>300</i>	<i>106,69</i>	
	- Dịch vụ	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.100</i>	<i>1.227</i>	<i>1.369</i>	<i>1.527</i>	<i>1.703</i>	<i>1.900</i>	<i>111,55</i>	
2	Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm	%								
	- <i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	<i>4.6</i>	<i>4.4-4.5</i>	<i>4.2-4.3</i>	<i>4.0-4.1</i>	<i>3.9-4.0</i>	<i>3-4</i>		
	- <i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%	<i>31.1</i>	<i>31</i>	<i>31</i>	<i>31</i>	<i>30- 31</i>	<i>29-30</i>		
	- <i>Dịch vụ</i>	%	<i>64.3</i>	<i>64.5-65</i>	<i>65- 65.5</i>	<i>65.5- 66</i>	<i>66-66.5</i>	<i>67-68</i>		
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa - dịch vụ	Tỷ đồng	6.150	7.100	8.200	9.400	10.800	12.500	115,24	15-16%/năm
	<i>Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.484</i>	<i>4.000</i>	<i>4.592</i>	<i>5.271</i>	<i>6.051</i>	<i>6.947</i>	<i>114,80</i>	14-15%/năm
4	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	85,0	92,0	100,0	108,0	117,0	128,0	108,53	
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	57,2	68,62	71,0	73,0	75,0	78,0	106,40	

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện						Bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Kế hoạch 2026- 2030
			2025	2026	2027	2028	2029	Dự kiến đến 2030		
	Trong đó:									
	<i>Thu từ thuế, phí, lệ phí, thu khác</i>		29,8	38,62	41,0	43,0	45,0	48,0	110,00	9-10%/năm
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>		27,4	30,00	30,0	30,0	30,0	30,0	101,83	
6	Tổng vốn đầu tư XDCB (Đầu tư công) phân cấp phường cân đối	Tỷ đồng		19,8	30	30	30	30		Tổng số vốn đầu tư công khoảng 140 - 150 tỷ đồng
7	Số doanh nghiệp thành lập mới/năm	Doanh nghiệp	24	10	12	12	12	12		10-15 DN/năm
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI									
1	Tuổi thọ trung bình đến năm 2030	Tuổi						74		<i>Theo đánh giá của Tỉnh</i>
2	Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030							0,75		<i>Theo đánh giá của Tỉnh</i>
3	Khám sức khỏe định kỳ hoặc sàng lọc bệnh miễn phí cho người dân	lần/năm						≥1		
4	Trường công lập trên địa bàn phường đạt chuẩn quốc gia	%	12	12	11	10	10	10	100	
	<i>- Trong đó: Trường chuẩn quốc gia mức độ 2</i>	%	4	4	5	5	5	5	50	
5	Đến năm 2030, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở							<i>Hoàn thành</i>		
6	Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ	%	80,8	81,0	81,5	81,5	81,5	82,0		
7	Tỷ lệ huy động vào mẫu giáo	%	100	100	100	100	100	100		
8	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2030	%						100		

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện						Bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Kế hoạch 2026- 2030
			2025	2026	2027	2028	2029	Dự kiến đến 2030		
	<i>Phường 1, 2, 3 (cũ)</i>	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	<i>Phường An Đôn (cũ)</i>	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	<i>Xã Hải Lệ (cũ)</i>	%	94,0	95,0	96,0	97,0	98,0	100,0	100	
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đến điểm xử lý rác thải hàng năm	%	100	100	100	100	100	100		
5	Đến năm 2030, chất thải rắn sau khi thu gom được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%						>98%		
6	Đến năm 2030, tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	-					100		
IV	QUỐC PHÒNG- AN NINH									
1	Công tác tuyển quân hàng năm đạt chỉ tiêu giao. 100% đầu mối cơ quan, đơn vị DQTV thuộc quyền đạt vững mạnh toàn diện; cán bộ thôn đội trưởng, khu đội trưởng, trung đội trưởng đạt 100% đảng viên.								Đạt	
2	Đến năm 2030: Phường đạt cơ sở vững mạnh toàn diện về quốc phòng								Đạt	
3	Duy trì khu phố, thôn, trường học, cơ quan, đơn vị đăng ký đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh trật tự								100	
-	<i>Đơn vị đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT</i>	%							80	
4	Giữ vững an ninh trật tự, hằng năm giảm tội phạm về trật tự xã hội	%							5	

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện						Bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Kế hoạch 2026- 2030
			2025	2026	2027	2028	2029	Dự kiến đến 2030		
5	Đến năm 2030, phần đầu đạt phường không có ma túy; Công an phường đạt điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự								Đạt	
V	CÁC CHỈ TIÊU KT-XH KHÁC									
1	Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030	Doanh nghiệp	190					250		
2	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đến năm 2030	%	85					95		
3	Số lượt khách du lịch tăng bình quân hàng năm	Ngàn lượt	283	284	285	286	287	288	100,35	